

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 09/05/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 63

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Hôm nay, chúng tôi giảng kinh văn phẩm thứ hai mươi tám.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI TÁM: ĐẠI SĨ THẦN QUANG

Kinh văn phẩm này nói về thần thông và quang minh của các Đại sĩ cõi Cực Lạc. Trong số chư thánh, đặc biệt nêu rõ Bồ-tát Quán Thế Âm và Bồ-tát Đại Thế Chí là tôn quý bậc nhất. Uy thần, quang minh cũng như công đức lợi sanh của hai ngài đều vượt trội hơn cả.

Mời xem kinh văn:

Phật bảo A-nan, các Bồ-tát trong nước Phật đó thấy đều thấy rõ nghe thấu mọi việc trong tám phương, phương trên, phương dưới, quá khứ, hiện tại, vị lai; đều biết trước tâm ý thiện ác, miệng sắp nói điều gì, khi nào được độ thoát, đắc đạo vãng sanh của chư thiên nhân dân, cho đến các loài côn trùng bay bò.

“Thấy đều thấy rõ”, “thấy rõ” là thiên nhãn thông, “nghe thấu” là thiên nhĩ thông, “tâm ý thiện ác, miệng sắp nói điều gì” là tha tâm thông. Biết chuyện quá khứ là túc mạng thông, biết việc hiện tại và tương lai là thiên nhãn thông.

Ở trên nói rõ các Bồ-tát ở Cực Lạc đều có đủ mọi thần thông. Đối với việc khởi tâm động niệm của chúng sanh mười phương, cũng như khi nào họ được độ thoát, khi nào vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc, các ngài đều biết trước và nắm rõ như lòng bàn tay.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Lại nữa, các chúng Thanh văn ở cõi Phật ấy, thân quang chiếu xa một tầm. Quang minh của Bồ-tát chiếu xa trăm do-tuần. Có hai vị Bồ-tát tôn quý bậc nhất, uy thần quang minh chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. A-nan bạch Phật, hai vị Bồ-tát ấy danh hiệu là gì? Phật nói, một vị tên là Quán Thế Âm, một vị tên là Đại Thế Chí.

“Thân quang chiếu xa một tầm”, “một tầm” là độ dài gần ba mét. Thân quang của hàng Thanh-văn ở Cực Lạc có thể chiếu xa gần ba mét. Quang minh của Bồ-tát có thể chiếu xa hàng ngàn dặm.

“Tôn quý bậc nhất”, trong vô lượng Bồ-tát, có hai vị Bồ-tát được đại chúng kính ngưỡng nhất. Uy thần quang minh của các ngài có thể chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. A-nan hỏi Phật: danh hiệu của hai vị Bồ-tát ấy gọi là gì? Phật đáp: một vị tên là Quán Thế Âm, một vị tên là Đại Thế Chí.

“Một vị tên là Quán Thế Âm”, trong Tâm Kinh Lược Sớ nói: Tùy căn cơ mà cứu độ chúng sanh, tự tại không sai sót, nên gọi là Quán Thế Âm. Đối với cảnh giới lý sự vô ngại, quán đạt tự tại, nên còn gọi là Quán Tự Tại. Hiển giáo nói Đại sĩ Quán Âm là đệ tử của A-di-đà Phật, Mật giáo nói ngài là hóa thân của A-di-đà Phật.

Trong kinh Quán Âm Tam-muội nói: Thích-ca Mâu-ni Phật là đệ tử của Đại sĩ Quán Âm, Đại sĩ Quán Âm là cô Phật tái lai, danh hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai.

Trong Quán kinh nói: Trong hào quang tròn trên đỉnh đầu Đại sĩ Quán Âm có 500 hóa Phật, giống như Thích-ca Mâu-ni Phật. Mỗi một hóa Phật lại có 500 hóa Bồ-tát vây quanh, còn có vô lượng chư thiên làm thị giả.

Trong kinh Lăng-nghiêm nói, vô lượng kiếp về trước, đức Cổ Quán Âm Như Lai đã truyền cho Đại sĩ Quán Âm pháp “như huyễn văn huân văn tu kim cang tam-muội”. Từ văn - tư - tu vào tam-ma-địa, nghe lại tự tánh, đắc đạo vô thượng. “Từ văn - tư - tu”, bản tánh có thể nghe của căn tai gọi là “tánh nghe”, trước tiên bắt tay từ tánh nghe, an trụ vào tánh nghe, tư duy tu tập triệt để không gián đoạn.

“Vào tam-ma-địa” là chỉ cho Lăng-nghiêm tam-muội, như trong kinh Lăng-nghiêm nói “hết thấy sự đều rốt ráo kiên cố”. Xét đến cùng, hết thấy sự đều không rời bản thể. Kinh này nói “hết thấy đều thành Phật”, tất cả đều thành Phật rồi, còn gì để tu để đoạn nữa!

“Nghe lại tự tánh, đắc đạo vô thượng”, dùng bản tánh có thể nghe mà xoay lại nghe tự tánh, như vậy dùng tự tánh làm nhân, rốt ráo thành tựu đạo vô thượng.

“Một vị tên là Đại Thế Chí”, uy thế từ đại trí lực của Bồ-tát có thể trùm khắp mọi nơi, cho nên gọi là Đại Thế Chí.

Trong kinh Lăng-nghiêm nói, Bồ-tát Đại Thế Chí “dùng tâm niệm Phật nhập vô sanh nhẫn”, “không nhờ phương tiện, tự được tâm khai”. Bồ-tát Đại Thế Chí tu niệm Phật tam-muội, ngoài niệm Phật ra không cần bất kỳ phương tiện nào khác mà tự nhiên đạt được khai ngộ. Tịnh tông học hội tôn Bồ-tát Đại Thế Chí là vị tổ sư đời thứ nhất. “Nay ở cõi này, nhiếp người niệm Phật, trở về Tịnh độ”, Bồ-tát Đại Thế Chí thị hiện ở thế giới Ta-bà để nhiếp thọ tất cả người niệm Phật, dẫn dắt về thế giới Cực Lạc.

Quán kinh nói, Bồ-tát Đại Thế Chí dùng ánh sáng trí tuệ chiếu khắp tất cả chúng sanh, khiến chúng sanh được sức mạnh vô thượng, rời khỏi ba đường ác. Khi Bồ-tát Đại Thế Chí bước đi, làm chấn động tam thiên đại thiên thế giới và cung điện của ma vương; đồng thời có 500 ức hoa sen báu vụt hiện ra, giống hệt hoa sen của thế giới Cực Lạc. Bồ-tát nhờ niệm Phật mà thành tựu, nên có được uy nghi như thế. Bồ-tát Đại Thế Chí ở thế giới Cực Lạc vĩnh viễn không nhập niết-bàn.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Hai vị Bồ-tát này, ở thế giới Ta-bà tu Bồ-tát hạnh, vãng sanh về nước ấy, thường ở hai bên trái phải A-di-đà Phật. Nếu muốn đến vô lượng cõi Phật mười phương thì tùy tâm liền tới. Hiện ở thế giới này làm lợi lạc lớn. Nếu người thiện nam, thiện nữ ở thế gian gặp tai nạn khẩn cấp sợ hãi, chỉ cần quy mạng với Bồ-tát Quán Thế Âm thì không ai không được thoát khỏi.

“Ở thế giới Ta-bà”, hai vị Bồ-tát này đều từng ở thế giới Ta-bà hành đạo Bồ-tát mà vãng sanh về thế giới Cực Lạc.

“Thường ở hai bên trái phải A-di-đà Phật”, các ngài thường ở hai bên trái phải của A-di-đà Phật, thông thường gọi là Tây Phương tam thánh.

“Nếu muốn đến vô lượng cõi Phật mười phương thì tùy tâm liền tới”, đối với cảnh giới của Phật Bồ-tát, không thể dùng suy nghĩ của thế tục để nhìn nhận. Phật Bồ-tát có thể không rời bốn xứ mà hiện khắp tất cả thế giới mười phương.

“Làm lợi lạc lớn”, hai vị đại Bồ-tát này ở thế giới Ta-bà hộ trì và nhiếp thọ chúng sanh niệm Phật, khiến họ đạt được sức mạnh vô thượng, rời khỏi ba đường luân hồi, vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc. Chữ “khiến” ở đây vô cùng quan trọng, cho thấy sự nhiếp thọ của tha lực. Do vậy, vãng sanh Tây Phương không phải là nhờ vào duyên may, mà cần có sức mạnh vô thượng. Pháp môn Tịnh độ sở dĩ được gọi là pháp môn tha lực chính là vì nguyên nhân này.

Bồ-tát Quán Thế Âm còn được gọi là Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn. Đây là bi nguyện đặc thù của Đại sĩ Quán Âm. Trong phẩm Phổ Môn của kinh Pháp Hoa nói: chúng sanh khi gặp tai nạn khẩn cấp sợ hãi, chỉ cần nhất tâm xưng niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, cho dù là “lúc lâm nguy mới ôm chân Phật” cũng có thể lập tức được cứu độ. Trong kinh Lăng-nghiêm nói, Quán Thế Âm từ văn - tư - tu mà chứng nhập viên thông trong sát-na, đạt được hai thứ thù thắng:

Một là sức từ bi giống như chư Phật mười phương.

Hai là tâm bi ngưỡng giống như chúng sanh mười phương.

Do đó, tâm của chúng sanh chính là tâm của Đại sĩ Quán Âm. Chỉ cần trong tâm của chúng sanh có chuyện, Bồ-tát lập tức biết ngay.

Bồ-tát Quán Thế Âm còn được gọi là đấng Thí Vô Úy. Khi chúng sanh gặp tai nạn khẩn cấp sợ hãi, Đại sĩ Quán Âm có thể ban cho chúng sanh sự không sợ hãi. Hoàng Niệm lão kể cho chúng ta nghe một câu chuyện thế này, là người thật việc thật:

Ngài có một vị lão đồng tu, có lần đi qua con sông bị đóng băng, khi ra đến giữa sông thì nước sông bỗng tan băng, nước chảy cuồn cuộn. Vì cách bờ quá xa nên không cách nào quay lại được. Vị ấy chỉ còn cách niệm danh hiệu Bồ-tát Quán Âm mà đi tiếp, cuối cùng cũng bình an qua được sông lớn. Vị lão đồng tu đó nói rằng: “Cả đời tôi niệm danh hiệu Quán Âm, chỉ có lúc đó là niệm tốt nhất.”

Do vậy, chí thành trì tụng danh hiệu Đại sĩ Quán Âm, nhất định có thể thoát khỏi tai nạn khẩn cấp sợ hãi.

Nam-mô đại từ đại bi, quảng đại linh cảm, cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ-tát.

Tiếp theo, tôi nói về cảm ngộ học tập kinh văn phẩm thứ hai mươi tám.

Cảm ngộ thứ nhất: cảnh giới của Phật Bồ-tát không thể dùng tư duy của thế tục để giải thích.

Học tập phẩm kinh văn này đã giúp tôi hóa giải những nghi hoặc mà 11 năm trước, khi chị gái tôi vãng sanh, tôi vẫn chưa hiểu rõ. Tôi đã tìm ra nguyên nhân của sự không hiểu rõ đó: nguyên nhân đó chính là vì tôi đã dùng lối tư duy của phàm phu thế tục để nhìn nhận những việc xảy ra lúc bấy giờ, cho nên không giải thích được cảnh giới của Bồ-tát. Xin nêu vài ví dụ để nói rõ:

Ví dụ thứ nhất: trước khi chị vãng sanh, chị tôi đã dặn dò tôi năm việc, bảo tôi phải nghiêm túc thực hiện.

Việc thứ nhất, chị bảo tôi: “Sau này, em giao lưu chia sẻ tâm đắc học Phật với các đồng tu, nhất định phải bảo tất cả chúng sanh có duyên rằng: hãy thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh độ. Vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc là đường thoát duy nhất, không có con đường thứ hai để đi.”

Việc thứ hai, chị bảo tôi: “Hoàng dương pháp môn Tịnh độ niệm Phật là sứ mệnh của em. Thứ nhất, em phải hoàn thiện bản thân, thứ hai em phải kiêm giúp thiên hạ, cả hai đều phải viên mãn.”

Việc thứ ba, chị bảo tôi: “Hộ trì lão pháp sư ^{thượng} Tịnh ^{hạ} Không là trách nhiệm không thể thoái thác của em. Em phải làm một tấm gương tốt về tôn sư trọng đạo cho mọi người.”

Việc thứ tư, chị bảo tôi: “Em phải làm người khiêm tốn, làm việc khiêm tốn, mãi mãi không phô trương. Toàn tâm toàn lực phục vụ chúng sanh là bổn phận của em.”

Việc thứ năm, chị bảo tôi: “Con đường tương lai của em rất gian nan hiểm trở, phải có tinh thần Thái Sơn đè xuống đầu cũng không khom lưng, kiên định không dờn mà bước tiếp.”

Khi chị nói những lời này, trong lòng tôi thầm nghĩ: “Chị ơi, chị à, chị là ai vậy? Sao có thể nói ra những lời như thế? Chẳng phải chị là một bà lão về hưu bình thường thôi sao?” Đến hôm nay tôi mới bắt chợt đại ngộ, chị thị hiện làm một bà lão về hưu bình thường, nhưng cảnh giới của chị là cảnh giới Bồ-tát.

Ví dụ thứ hai: nhớ lại sau khi tôi kết hôn, tôi tình cờ gặp người bạn học nam năm xưa đã hại chị tôi không thể học lên cấp ba. Người đó sống cùng dãy nhà với gia đình mẹ chồng tôi. Tôi nói với chị: “Cái tên xấu xa năm xưa hại chị đã bị em tóm được rồi, em phải cho hắn một bài học.” Chị nói: “Ôi trời, thời gian đã qua lâu rồi, còn báo thù làm gì nữa! Em hãy làm hàng xóm tốt với người ta, đừng làm mất hòa khí láng giềng, chuyện cũ đã qua rồi thì đừng nhắc lại nữa.” Tôi nói: “Chị ơi, chị thật là nhạt, số sanh ra để bị bắt nạt.” Chị nghe xong chỉ cười cho qua. Đó chính là cảnh giới Bồ-tát của người chị Bồ-tát, em gái phàm phu như tôi làm sao thấu hiểu được!

Ví dụ thứ ba: trước khi vãng sanh, chị nói với tôi chị sẽ biểu pháp hai cách vãng sanh. Tôi không hiểu ý, hỏi: “Hai cách vãng sanh là thế nào?” Chị bảo tôi: “Một là biết trước ngày giờ, tự tại vãng sanh; hai là cái chết đau đớn của tứ đại (đất, nước, lửa, gió) phân ly.” Tôi hỏi: “Tại sao phải biểu pháp hai cách vãng sanh?” Chị nói: “Để chúng sanh so sánh và lựa chọn.”

Quả nhiên, chị đã biểu pháp hai cách vãng sanh. Sau khi vãng sanh, vì thân phận thật sự của chị là Bồ-tát Quán Âm tái lai bị lộ, nên mấy năm sau đó không được yên ổn. Do không có cảnh giới đó, mọi người không hiểu rõ về hai cách vãng sanh này nên đã bàn ra tán vào, có kẻ nghi ngờ, có người mắng chửi. Tôi đã trách chị: “Chị biểu pháp hai cách vãng sanh làm gì chứ? Biểu một pháp tự tại vãng sanh cho xong, có phải tốt hơn không!” Học tập phẩm kinh văn này, tôi thật sự cảm nhận được rằng:

*Tôi nói chị mình nhạt
Thực ra cảnh giới cao
Cảnh giới của Bồ-tát
Phàm phu biết được sao!*

Lòng đại từ đại bi của Bồ-tát Quán Thế Âm, sự quảng đại linh cảm của Bồ-tát Quán Thế Âm, hạnh cứu khổ cứu nạn của Bồ-tát Quán Thế Âm, tôi đều đã cảm nhận được từ chị mình. Tôi phải học tập theo chị, học Bồ-tát Quán Thế Âm, làm Bồ-tát Quán Thế Âm. Trong sự bình phàm chứa đựng sự vĩ đại, trong sự vĩ đại hiển hiện nét bình phàm.

Cảm ngộ thứ hai: cứu khổ cứu nạn là bi nguyện đặc thù của Bồ-tát Quán Thế Âm.

Năm 2012, sau khi chị tôi vãng sanh, trong lòng tôi luôn có một nút thắt: chị đã hy sinh mười năm tuổi thọ để biểu pháp thay cho tôi. Tôi hối hận lẽ ra không nên tiết lộ việc mình muốn biểu pháp cho chị biết, chị ra đi sớm, để mấy đứa con phải mất đi tình mẹ quá sớm. Mặc dù chị có nói với tôi rằng, chị có nhiệm vụ mới nên phải về nhà sớm, nhưng nút thắt trong lòng tôi vẫn không hoàn toàn được tháo gỡ, tôi cảm thấy có lỗi với các cháu. Tuy tôi đã biết nhiệm vụ mới khi chị về nhà sớm là gì, trong lòng cũng cảm thấy chút an ủi, song vẫn còn đó một chút tự trách.

Lần học tập phẩm kinh văn này, nút thắt trong lòng tôi đã hoàn toàn được hóa giải. Hóa giải bằng cách nào? Chính là nhờ lời giải thích cho một đoạn kinh văn của Hoàng Niệm lão, đoạn kinh văn đó là: “Nếu người thiện nam, thiện nữ ở thế gian gặp tai nạn khẩn cấp sợ hãi, chỉ cần quy mạng với Bồ-tát Quán Thế Âm thì không ai không được thoát khỏi.” Hoàng Niệm lão giải thích rằng: Bồ-tát Quán Thế Âm còn được gọi là Quán Thế Âm cứu khổ cứu nạn, đây là bi nguyện đặc thù của Đại sĩ Quán Âm. Chính câu nói này đã thức tỉnh tôi, nhất là hai từ “đặc thù” và “bi nguyện” đã khiến tôi thức tỉnh.

Chị tôi là Bồ-tát Quán Thế Âm tái lai, điều này là chắc chắn không nghi ngờ: ngày 7 tháng 5 năm 2008, khi chị làm phẫu thuật cắt chân, lúc chị nằm trên xe đẩy để đưa vào phòng mổ, tuy tôi không nhìn thấy hình ảnh, cũng không nghe thấy âm thanh, chỉ biết có một câu nói: “Chị của con là Bồ-tát Quán Thế Âm.” Trước khi chị vãng sanh, việc này tôi chưa từng nói với bất kỳ ai, ngay cả chính chị tôi cũng không nói.

Sau khi phẫu thuật kết thúc, chị thần trí rất tỉnh táo, khẽ nói với tôi một câu: “Không sao rồi, rất tốt.” Có mấy chuyện có thể nói là khá kỳ lạ, tôi kể cho mọi người nghe, tin hay không tùy bạn lựa chọn, đừng sanh phiền não là được, cứ coi như nghe kể chuyện thôi:

Thứ nhất, ngày chị phẫu thuật, vừa lên xe đẩy là chị bắt đầu xưng niệm thánh hiệu Bồ-tát Quán Thế Âm, hát mãi cho đến khi vào phòng mổ. Lúc đó trong tâm tôi nghĩ: “Bà lão này, sắp phẫu thuật đến nơi rồi, sao vẫn còn xưng niệm thế này.” Sau đó chính cô y tá trưởng kể lại với tôi rằng, vào đến phòng mổ bà vẫn tiếp tục niệm. Y tá trưởng hỏi bác sĩ mổ chính: “Bà cụ cứ hát thế này thì có phẫu thuật được không?” Bác sĩ mổ chính nói: “Hát nghe hay mà, cụ muốn hát cứ để cụ hát”, chuyện như vậy, đây là lần đầu tôi được nghe.

Thứ hai, chị kể với tôi rằng khi phẫu thuật, thuốc mê không có tác dụng gì với chị, suốt quá trình phẫu thuật chị đều biết rõ, thậm chí bác sĩ dùng dụng cụ gì chị cũng biết hết. Tôi hỏi: “Thế chị không đau sao?” Chị bảo tôi: “Chẳng đau chút nào, cả phòng đều là Bồ-tát Quán Thế Âm.” Bạn nghe xong thấy có giống nghe chuyện thần thoại không? Thế nhưng đó lại là người thật việc thật mà tôi đích thân trải nghiệm.

Thứ ba, chị tôi trở thành nhân vật được hoan nghênh nồng nhiệt, được quan tâm đặc biệt. Chị phẫu thuật ngày 7 tháng 5, thì ngày 12 tháng 5 Vân Xuyên bị động đất. Chẳng biết vì sao, cô y tá trưởng lại đặt trong phòng chị một chiếc tivi, nhờ vậy mà tôi và chị ngày nào cũng xem được tin tức. Sau đó tôi phát hiện các bác sĩ và y tá đều thích đến trò chuyện với hai bà lão. Rồi sau đó, các bác sĩ và y tá ở khoa khác cũng tìm cơ ghé qua nói vài câu, bảo là muốn coi bên khoa xương khớp có hai bà cụ thần kỳ như thế nào.

Sau khi chị xuất viện, bác sĩ mổ chính đã hai lần đến nhà thăm, anh ấy nói với chị: “Cụ xuất viện rồi, bác sĩ và y tá chúng cháu đều cảm thấy trống vắng.” Một ý niệm lóe lên, chị thị hiện bệnh khổ là để vào bệnh viện độ người, thật là đại từ đại bi!

Vị bác sĩ mổ chính cho chị tôi lúc đó 42 tuổi, bản thân anh cũng là bệnh nhân ung thư gan. Anh được thầy của mình phẫu thuật xong, mới đi làm lại được đúng ba tháng, ngày đầu tiên đi làm lại đã nhận ca mổ của chị tôi. Có lẽ đây chính là duyên, anh là một bác sĩ tốt, có tinh thần trách nhiệm.

Y tá trưởng nói với chị tôi: “Bọn cháu lâu lắm rồi không thấy bác sĩ cười, từ sau khi mổ cho cụ xong, ngày nào bọn cháu cũng thấy bác sĩ cười. Cụ có bí quyết gì không vậy?”

Tôi biết, bí quyết của chị chính là dùng sự lạc quan của mình để truyền cảm hứng cho bác sĩ, hóa giải nỗi sợ hãi đối với cái chết của anh.

Có một lần, tôi đến thăm anh, nhưng anh không có nhà, đã đi câu cá. Tôi gọi điện cho anh, nói với anh: “Đừng đi câu nữa, hôm nay anh không câu được con cá nào đâu.” Buổi tối, anh gọi lại cho tôi bảo: “Dì ơi, hôm nay cá không cắn câu, không câu được con nào cả.” Tôi nói với anh: “Tôi đã thông báo cho cá rồi.” Anh nói: “Dì ơi, cháu sẽ không bao giờ đi câu cá nữa.”

Không lâu sau khi chị tôi vãng sanh, vị bác sĩ này cũng vãng sanh. Mong rằng anh có thể đến cùng một nơi với chị tôi.

Cảm ngộ thứ ba: chúng sanh mạng pháp khổ, Bồ-tát Quán Thế Âm mau cứu độ.

Tiểu viện Lục Hòa thường hát một bài ca mang tên “Bài ca tỉnh thế”. Mấy câu đầu của bài hát này như sau: “Biển đêm mênh mông một thuyền pháp, cứu độ chúng sanh lia khổ nạn, là ai ngàn tay lại ngàn mắt, Bồ-tát Quán Âm đứng đầu thuyền, trợ thủ giỏi của A-di-đà Phật, giúp Phật tiếp dẫn vô lượng vô biên chúng sanh...” Mỗi khi hát bài ca này, cảm giác sứ mệnh trong tôi lại trào dâng. Trong lòng không tìm được mà thét lên rằng: chúng sanh mạng pháp khổ ời là khổ, Bồ-tát Quán Âm mau cứu độ!

Năm 2012, vì để cứu độ chúng sanh khổ nạn thời mạng pháp, cứu vãn kiếp nạn, chị tôi đã gánh vác sứ mệnh mà về nhà sớm. Chị thật sự chính là Bồ-tát Quán Thế Âm đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn. 12 giờ đêm ngày 20 tháng 11, chị đã để lại cho chúng ta 5 bài kệ tụng, trong đó có một bài dài tới 60 câu, ghi chép lại bài kệ này mất 48 phút. Đây là món quà quý giá cuối cùng chị để lại cho nhân gian. Chính trong bài kệ dài 60 câu này đã tiết lộ thân phận chị là Bồ-tát Quán Thế Âm tái lai, từ đó gây ra một trận “sóng gió ồn ào”, quạ kêu chim hót suốt mấy năm trời.

Các đồng tu, đời này của chúng ta có thể nói là may mắn. May mắn ở đâu? May mắn là chúng ta được thân người, được nghe Phật pháp, nghe được pháp môn Tịnh độ niệm Phật, gặp được bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của Hạ Liên lão, gặp được Tịnh Độ Đại Kinh Khoa Chú của Hoàng Niệm lão, gặp được lão pháp sư thượng Tịnh hạ Không - người hoằng dương bản hội tập của Hạ Liên lão, lại gặp được những tấm gương Phật môn như lão hòa thượng thượng Hải hạ Hiền, lão cư sĩ Lưu Tố Thanh. Chúng ta tu học pháp môn Tịnh độ niệm Phật, cần kinh giáo có kinh giáo, cần chú giải có chú giải, cần đạo sư có đạo sư, cần tấm gương có tấm gương. Chúng ta chẳng thiếu thứ gì cả, chúng ta thật sự quá đổi may mắn.

Chúng sanh mạng pháp càng ngày càng khổ, khổ không nói nên lời. Những đồng tu học Phật chúng ta, trên nền tảng “hoàn thiện bản thân” để “giúp thiên hạ cùng thiện” chính là sứ mệnh không thể thoái thác của chúng ta! Tất cả chúng ta hãy cùng làm những vị Bồ-tát Quán Thế Âm đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn!

*Bồ-tát Quán Âm hiện thế gian
Cứu độ chúng sanh thoát khổ nạn
Một đời thay chúng sanh chịu khổ
Ngôn truyền thân giáo mệt chẳng than.
Lúc gặp nguy nan biểu pháp lớn
Xả thọ mười năm sớm về nhà
Trợ thủ giới của A-di-đà Phật
Cứu vãn nạn lửa nước làm than.
Quảng đại linh cảm Quán Thế Âm
Đại từ đại bi cứu khổ nạn
Người người đều làm Quán Thế Âm
Cực Lạc hiện tiền ở nhân gian.*

Tiếp theo, tôi bắt đầu giảng kinh văn phẩm thứ hai mươi chín.

PHẨM THỨ HAI MƯƠI CHÍN: NGUYỆN LỰC HOÀNG THÂM

Phẩm kinh văn này nói về việc Bồ-tát ở Cực Lạc đều có nguyện lực rộng sâu, chắc chắn một đời bồ xứ thành Phật. Nếu có Bồ-tát nào phát nguyện vì chúng sanh, tuy sanh về Tịnh độ Cực Lạc nhưng vẫn không nỡ bỏ chúng hữu tình ở đời ác. Thế nên các ngài vào cõi sanh tử để cứu độ quần sanh, muốn khiến hết thảy chúng sanh mười phương đều được vãng sanh, đều có thể làm Phật. Cứ luân phiên cứu độ như thế, không có cùng tận. Phần cuối của phẩm này, Thế Tôn một lần nữa tán thán Phật Vô Lượng Thọ có ân đức vô cực.

Mời xem kinh văn:

Lại nữa A-nan, tất cả Bồ-tát ở cõi Phật đó, hoặc hiện tại hay vị lai [vãng sanh] đều rất ráo được nhất sanh bồ xứ. Chỉ trừ những vị phát đại nguyện vào cõi sanh tử để độ quần sanh, làm sư tử hồng, khoác áo mũ giáp lớn, dùng công đức thế nguyện rộng sâu để tự trang nghiêm. Tuy sanh trong đời ác năm trước, thị hiện đồng loại, mãi cho đến thành Phật, cũng không thọ đường ác. Sanh ở nơi nào, luôn biết được đời trước.

“Đều rất ráo được nhất sanh bồ xứ”, phàm là người sanh đến Tịnh độ Cực Lạc, chỉ cần không rời khỏi nước An Dưỡng, nhất định một đời chứng được ngôi Bồ xứ.

“Chỉ trừ những vị phát đại nguyện”, tuy nhiên có một số Bồ-tát có đại nguyện đặc biệt, vào trong cõi sanh tử để tuyên nói diệu pháp cho chúng sanh.

“Làm sư tử hồng”, tỉ dụ cho việc thuyết pháp của Phật có thể hàng phục ngoại đạo, chấn tỉnh những kẻ mê lầm. Sau khi vãng sanh chứng nhập vô sanh, lập tức trở về thế giới Ta-bà, thị hiện làm đại pháp sư hoặc đại cư sĩ để thuật lại lời dạy của A-di-đà Phật, cũng gọi là sư tử hồng.

“Khoác áo mũ giáp lớn”, từ Cực Lạc trở về đời ác năm trước là một việc rất đáng sợ. Do vậy, họ đã hộ trì huệ mạng của mình bằng cách nào? Họ dùng thế nguyện rộng sâu làm áo giáp để tự vũ trang cho chính mình.

“Cũng không thọ đường ác”, những Bồ-tát này thị hiện ở đời ác năm trước, tuy cũng có sanh có tử như chúng sanh, nhưng cho đến lúc thành Phật, họ sẽ không bao giờ chịu quả báo ở đường ác.

“Luôn biết được đời trước”, hơn nữa đời đời kiếp kiếp đều biết rõ túc mạng của mình, biết mình từ thế giới Cực Lạc đến.

Hoàng Niệm lão đã nêu một ví dụ cho chúng ta: thời nhà Tấn có một người nghèo khổ, đối với thế tục chẳng chút lưu luyến, ông mỗi ngày ra sức niệm Phật, cuối cùng thấy được A-di-đà Phật, ngay đời này chứng được vô sanh pháp nhẫn. Trước thời nhà Thanh, ông đã từng đến thế giới này bảy lần, nhưng người trên thế gian không ai biết, phàm phu cũng không nhìn ra được. Đến đời nhà Thanh, trước lúc sắp vãng sanh, ông mới đem việc này nói với mọi người.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Ý của Phật Vô Lượng Thọ muốn độ thoát tất cả các loại chúng sanh trong mười phương thế giới, đều được vãng sanh về nước ấy, đều khiến cho đắc đạo nê-hoàn. Đã là Bồ-tát thì khiến cho thành Phật, đã làm Phật rồi thì luân phiên truyền pháp dạy học, luân phiên độ thoát. Lần lượt như vậy chẳng thể tính kể. Thanh văn, Bồ-tát, các loài chúng sanh trong mười phương thế giới sanh về cõi Phật đó đều đắc đạo Nê-hoàn, người sẽ thành Phật số không kể xiết.

“Đều được vãng sanh về nước ấy”, đại nguyện của Di-đà chính là khiến tất cả chúng sanh vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc, đắc quả niết-bàn vô thượng.

“Đã là Bồ-tát thì khiến cho thành Phật”, khiến cho các Bồ-tát mười phương vãng sanh về đó rất mau được thành Phật. Sau khi thành Phật, phân thân đến vô lượng cõi nước nhiều như vi trần để rộng độ tất cả chúng sanh.

“Số không kể xiết”, các ngài luân phiên giáo huấn, thay phiên độ thoát như vậy, cho nên số người vãng sanh nhiều vô lượng vô biên, không thể tính đếm được.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Trong nước Phật ấy, thường như nhất pháp, không có tăng thêm, vì sao vậy? Ví như biển cả là vua của nước, các dòng nước đều chảy vào biển cả, nước trong biển ấy cũng không tăng giảm.

“Thường như nhất pháp, không có tăng thêm”, tất cả chúng sanh mười phương đều vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc, thế nhưng số người ở Tịnh độ lại không hề tăng thêm. Nêu ví dụ, ví như đại dương là vua của nước, tất cả nước sông đều chảy vào biển cả, mà nước biển cả cũng không thấy dâng lên. Lại ví dụ, ký hiệu “số tám nằm ngang” trong toán học biểu thị cho vô cực, dùng vô cực cộng với hết thảy số hữu hạn thì vẫn bằng số tám nằm ngang - vô cực. Lại lấy vô cực trừ đi bất kỳ số hữu hạn nào cũng vẫn bằng vô cực. Do vậy, vô cực không phải là con số cố định, không thể bị tăng thêm hay giảm bớt. Cho dù chia vô cực thành nhiều phần, thì mỗi phần vẫn là vô cực.

Tóm lại mà nói, đối với “thường như nhất pháp, không có tăng thêm”, không thể dùng cách nghĩ hữu hạn, máy móc để tư duy. Xét đến cùng thì sắc chính là không, không chính là sắc, vật chất vốn dĩ là hư vọng. Bởi vì Cực Lạc chính là Hoa Tạng, cho nên rộng hẹp tự tại, một và nhiều chính là nhau, hàm nhiếp lẫn nhau, ngôn ngữ và tư duy chẳng thể thấu đạt. Bên trên đã nêu rõ cảnh giới vi diệu “sự sự vô ngại” của thế giới Cực Lạc.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Trong vô số cõi Phật tám phương, trên dưới, thì cõi nước của A-di-đà Phật rộng lớn dài lâu, sáng đẹp an lạc, thù thắng bậc nhất. Điều này vốn do sở nguyện cầu đạo, tích công lũy đức khi còn làm Bồ-tát mà nên. Ân đức bố thí của Phật Vô Lượng Thọ đối với tám phương, trên dưới là vô cùng vô cực, lớn sâu vô lượng, không thể nói hết được.

“Tám phương, trên dưới”, nghĩa là mười phương.

“Thù thắng bậc nhất”, Tịnh độ Tây Phương Cực Lạc vượt trội hơn tất cả các cõi Phật, thù thắng bậc nhất. Đây là do từ-kheo Pháp Tạng khi còn làm Bồ-tát đã phát những đại nguyện thù thắng. Ngài đã dùng thời gian vô lượng kiếp, tích công lũy đức mà thành tựu nên.

“Ân đức bố thí của Phật Vô Lượng Thọ đối với tám phương, trên dưới”, đức Di-đà trụ trí tuệ chân thật, ban cho lợi ích chân thật, khiến khắp tất cả chúng sanh vào được bến bờ chân thật. Công đức của Phật Di-đà rộng lớn sâu xa, ngôn ngữ khó lòng diễn tả hết. Dầu cho thân có trăm miệng, miệng có trăm lưỡi, suốt kiếp nói năng cũng không thể nói hết được.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!